

Số: 3308 /QĐ-ĐHGĐ

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v ban hành chương trình đào tạo (điều chỉnh)**

**ngành: Sư phạm Vật lí**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIÁO DỤC**

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về Đại học Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 03 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 3568/QĐ-ĐHQGHN ngày 08 tháng 10 năm 2014 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy định về Tổ chức và hoạt động của các đơn vị thành viên và đơn vị trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 06 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 3626/QĐ-ĐHQGHN ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy chế đào tạo đại học tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 4555/QĐ-ĐHQGHN ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy định về mở ngành và điều chỉnh chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Hướng dẫn số 1144/HD-ĐHQGHN ngày 03 tháng 04 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc Điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

W



Căn cứ Quyết định số 1855/QĐ-ĐHQGHN ngày 30 tháng 05 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc Ủy quyền kí điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội (năm 2023);

Xét đề nghị của Trường Phòng Đào tạo.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo chuẩn trình độ đại học ngành Sư phạm Vật lí, mã số ngành đào tạo: 7140211.

**Điều 2.** Chương trình đào tạo chuẩn trình độ đại học ngành Sư phạm Vật lí ban hành kèm theo Quyết định này được áp dụng cho sinh viên từ khóa tuyển sinh năm 2022 của Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội.

**Điều 3.** Trường Phòng Đào tạo, Chủ nhiệm khoa Sư phạm, Trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 (để t/h);
- ĐHQGHN (để b/c);
- Lưu: VT, ĐT (3).



HIỆU TRƯỞNG

*Nguyễn Quý Thanh*

GS.TS. Nguyễn Quý Thanh

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

*(Ban hành theo Quyết định số: 3308/QĐ-ĐHGD ngày 29 tháng 12 năm 2023  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Giáo dục)*

**NGÀNH: SƯ PHẠM VẬT LÝ**

**MÃ SỐ: 7140211**

**PHẦN I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

**1. Một số thông tin về chương trình đào tạo**

**- Tên chương trình đào tạo:**

- + Tiếng Việt: Sư phạm Vật lý
- + Tiếng Anh: Physics Teacher Education

**- Tên ngành đào tạo:**

- + Tiếng Việt: Sư phạm Vật lý
- + Tiếng Anh: Physics Teacher Education

**- Mã số ngành đào tạo: 7140211**

**- Trình độ đào tạo: Đại học**

**- Danh hiệu tốt nghiệp: Cử nhân**

**- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt**

**- Thời gian đào tạo: 04 năm**

**- Tên văn bằng tốt nghiệp:**

- + Tiếng Việt: Cử nhân ngành Sư phạm Vật lý
- + Tiếng Anh: The Degree of Bachelor in Physics Teacher Education

**2. Mục tiêu đào tạo**

**2.1. Mục tiêu chung**

Chương trình có mục tiêu đào tạo giáo viên thông qua việc trang bị cho người học những kiến thức nền tảng về chính trị, xã hội; trang bị kiến thức môn học (hoặc khối kiến thức, hoặc tổ hợp môn) và chương trình giáo dục theo môn và bậc học để trở thành giáo viên dạy Vật lý ở các bậc học (trung học cơ sở, trung học phổ thông, cao đẳng, đại học) sau khi tốt nghiệp sẽ đảm nhận; trang bị cho người học những kỹ năng cơ bản về công nghệ giáo dục và các kỹ năng bổ trợ khác; phát triển năng lực

tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh; rèn luyện đạo đức nghề nghiệp, tinh chuyên nghiệp, thái độ tận tâm và phát triển năng lực nghiên cứu khoa học.

## **2.2. Mục tiêu cụ thể**

Chương trình đào tạo đại học ngành Sư phạm Vật lý nhằm thực hiện mục tiêu đào tạo giáo viên giảng dạy Vật lý có năng lực và phẩm chất đáp ứng các yêu cầu sau:

- Nắm vững kiến thức nền tảng của Vật lý học và phương pháp dạy học Vật lý;
- Có khả năng vận dụng kiến thức và phương pháp dạy học vào quá trình dạy học Vật lý ở các bậc học (trung học cơ sở, trung học phổ thông, cao đẳng, đại học). Có khả năng tự học và được đào tạo ở bậc cao hơn;
- Có năng lực nghiên cứu các hoạt động giáo dục (Phát triển chương trình; đánh giá trong dạy học; tổ chức quá trình dạy học) trên cơ sở nghiên cứu về Khoa học giáo dục;
- Có khả năng sử dụng thành thạo công nghệ và phương tiện dạy học hiện đại trong giảng dạy và nghiên cứu Vật lý.

## **3. Thông tin tuyển sinh**

### **3.1. Hình thức tuyển sinh**

Thông tin tuyển sinh theo Quy chế tuyển sinh, đề án tuyển sinh được ĐHQGHN phê duyệt và hướng dẫn tuyển sinh đại học hàng năm của Bộ Giáo dục và Đào tạo và ĐHQGHN.

### **3.2. Đối tượng dự tuyển**

Theo quy chế tuyển sinh đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quy chế tuyển sinh đại học của ĐHQGHN và Đề án tuyển sinh hàng năm của Trường.

### **3.3. Quy mô tuyển sinh**

Theo chỉ tiêu được giao hàng năm.

## **PHẦN II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

### **1. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

#### **1.1. Chuẩn đầu ra kiến thức**

**PLO1.** Vận dụng được sự hiểu biết căn bản về chính trị, văn hóa, xã hội, hệ thống giáo dục, pháp luật Việt Nam.

**PLO2.** Vận dụng được kiến thức sư phạm học, giáo dục học và kiến thức tâm lý học phát triển trong xây dựng kế hoạch dạy học, thực hành giảng dạy, các hoạt động giáo dục và hoạt động kiểm tra, đánh giá trong dạy học môn Vật lý.

**PLO3.** Phân tích được chương trình giáo dục phổ thông để xây dựng và phát triển chương trình giáo dục nhà trường; thực hiện được các hoạt động giáo dục người học và quản lý lớp học.

**PLO4.** Phân tích được chương trình môn Vật lý và kiến thức nội dung của chuyên ngành đào tạo.

**PLO5.** Vận dụng được mô hình dạy học, các phương pháp dạy học hiện đại và kỹ thuật dạy học tích hợp trong tổ chức dạy học bộ môn Vật lý hiệu quả.

**PLO6.** Vận dụng được kiến thức về phương pháp dạy học bộ môn Vật lý, giáo dục Vật lý học gắn liền với thực tiễn, hiểu biết về năng lực Vật lý và các thành tố của năng lực Vật lý trong xây dựng kế hoạch bài dạy và thực hành giảng dạy.

**PLO7.** Phân loại được các kỹ thuật, phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá trong dạy học môn Vật lý nhằm đánh giá được sự tiến bộ và kết quả học tập của học sinh, đánh giá theo năng lực học sinh.

**PLO8.** Vận dụng được kiến thức cơ bản về phát triển chương trình, tài liệu giáo khoa, xác định được các đơn vị kiến thức cốt lõi trong việc xây dựng các chủ đề, chuyên đề dạy học theo hướng tích hợp, phân hóa, phù hợp với mục tiêu và đối tượng, môi trường giáo dục.

**PLO9.** Kết nối được kiến thức về các chuyên ngành Vật lý học để dạy học ở bậc phổ thông và các kiến thức Vật lý học cần thiết để học các bậc học kế tiếp, có thể đáp ứng yêu cầu, điều kiện dạy Vật lý bậc đại học.

### ***1.2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng***

**PLO10.** Kết hợp được tư duy phản biện và năng lực giải quyết vấn đề trong giải quyết công việc.

**PLO11.** Sử dụng được những công nghệ giáo dục mới (cả phần cứng và phần mềm).

**PLO12.** Có trình độ Ngoại ngữ từ bậc 3 trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.

**PLO13.** Vận dụng được kiến thức tâm lý học, có kiến thức về sức khỏe tâm thần để quản lý được cảm xúc bản thân, thiết lập được các mối quan hệ hiệu quả với người học, với cha mẹ học sinh, với đồng nghiệp và các bên liên quan khác trong giáo dục nhà trường.

**PLO14.** Xây dựng được kế hoạch bài dạy và tổ chức quá trình dạy học và kiểm tra đánh giá các nội dung, chuyên đề Vật lý học theo hướng phát huy năng lực và phẩm chất chung, năng lực Vật lý học của người học.

**PLO15.** Thực hiện được việc phát triển chương trình và tài liệu dạy học Vật lý phù hợp với mục tiêu và yêu cầu cần đạt của từng bậc học trên cơ sở hiểu biết về chương trình giáo dục môn Vật lý trong và ngoài nước. Thực hiện được các nghiên cứu khoa học về giáo dục Vật lý học và Vật lý học cơ bản.

### ***1.3. Chuẩn đầu ra về mức độ tự chủ và trách nhiệm***

**PLO16.** Làm việc tự chủ, độc lập, chuyên nghiệp cũng như khả năng hợp tác, trách nhiệm, khát vọng cống hiến và giao tiếp hiệu quả.

**PLO17.** Có khả năng tổ chức các hoạt động giáo dục, hoạt động trải nghiệm và các hoạt động giáo viên chủ nhiệm.

**PLO18.** Tự định hướng, thích nghi trong các môi trường làm việc khác nhau; Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

**PLO19.** Có trách nhiệm và tâm huyết với nghề dạy học; tôn trọng, yêu thương và thừa nhận sự khác biệt, đối xử công bằng với người học, tạo dựng được niềm tin và là tấm gương tốt cho người học.

**PLO20.** Có tư duy sáng tạo, phê phán, quyết đoán, khẳng định và bảo vệ được quyền và trách nhiệm cá nhân đối với tập thể, phù hợp với các quy tắc đạo đức và chuẩn mực nghề nghiệp.

## **2. Vị trí việc làm mà sinh viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp**

- Giảng dạy Vật lí ở các trường trung học phổ thông, Trung cấp chuyên nghiệp, Cao đẳng, Đại học; giảng dạy một số chuyên đề môn Khoa học tự nhiên ở trường THCS.

- Nghiên cứu viên tại các cơ sở nghiên cứu Quốc gia; các trường Đại học, Cao đẳng và các cơ quan khoa học của các tỉnh, huyện, các công ty nhà nước hoặc tư nhân theo hướng phát triển khoa học, chuyển giao công nghệ, các cơ quan trong các lĩnh vực gần khác như: điện tử, tin học, viễn thông...

## **3. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp**

Có đủ khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu chuyên môn ở trình độ sau đại học thuộc các chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Vật lí (thạc sĩ, tiến sĩ); Tiến sĩ lý luận, phương pháp và công nghệ dạy học hoặc các chương trình đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ chuyên ngành thuộc ngành Vật lí.

### PHẦN III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

#### 1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

**Tổng số tín chỉ của CTĐT** (chưa tính Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - an ninh, kỹ năng bổ trợ): **135** tín chỉ

- **Khối kiến thức chung** (chưa tính Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - an ninh, kỹ năng bổ trợ): **21** tín chỉ
- **Khối kiến thức theo lĩnh vực:** **25** tín chỉ
- **Khối kiến thức theo khối ngành:** **11** tín chỉ
  - + Bắt buộc: **8** tín chỉ
  - + Tự chọn: **3** tín chỉ/17 tín chỉ
- **Khối kiến thức theo nhóm ngành:** **39** tín chỉ
  - + Bắt buộc: **15** tín chỉ
  - + Tự chọn: **24** tín chỉ/51 tín chỉ
- **Khối kiến thức ngành:** **39** tín chỉ
  - + Bắt buộc: **12** tín chỉ
  - + Tự chọn: **15** tín chỉ/24 tín chỉ.
  - + Thực tập: **7** tín chỉ
  - + Khóa luận tốt nghiệp: **5** tín chỉ

## 2. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Số giờ học tập			Mã học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
<b>I</b>	<b>Khối kiến thức chung</b> (chưa tính Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - an ninh, kỹ năng bổ trợ)		<b>21</b>				
1	PHI1006	Triết học Mác-Lênin <i>Marxist-Leninist Philosophy</i>	3	42	6	102	
2	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác-Lênin <i>Marxist-Leninist Political Economy</i>	2	28	4	68	
3	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học <i>Scientific Socialism</i>	2	28	4	68	
4	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam <i>History of Vietnamese Communist Party</i>	2	28	4	68	
5	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh <i>Ho Chi Minh Ideology</i>	2	28	4	68	
6	THL1057	Nhà nước và Pháp luật đại cương <i>General State and Law</i>	2	28	4	68	
7		<b>Ngoại ngữ B1</b> <i>Foreign Language B1</i>	5	75	0	175	
8	EDT2003	Tin học cơ sở <i>Basic of Informatics</i>	3	30	30	90	
9	TMT2100	Kỹ năng bổ trợ <i>Soft skills</i>	3				
10		Giáo dục thể chất <i>Physical Education</i>	4	8	52	0	
11		Giáo dục quốc phòng – an ninh <i>National Defence Education</i>	8				
<b>II</b>	<b>Khối kiến thức theo lĩnh vực</b>		<b>25</b>				
12	PSE2008	Tâm lý học giáo dục <i>Education Psychology</i>	4	45	30	125	
13	PSE2009	Nhập môn Khoa học giáo dục <i>Introduction to Educational Science</i>	3	30	30	90	
14	EDT2001	Nhập môn Công nghệ giáo dục <i>Introduction of Educational Technology</i>	2	25	10	65	